TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bán án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2023.
V/v "*Ly hôn giữa bà H và ông Th*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Bá
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Minh Ngọc
2. Bà Phan Thị Thanh Dung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 213/2023/TL.ST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn AHĐ, xã TQ, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn Trung Ph 1, xã Quế Tr, huyện NS, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Công Th, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn AHĐ, xã TQ, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2023, bảng tự khai ngày 15/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Trần Công Th kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15/7/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống trong thời gian ngắn tại nhà cha mẹ chồng ở xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam thì ông Th đi công tác xa nhà. Bà H về lại nhà cha, mẹ đẻ ở huyện Núi Thành để ở và sinh con. Từ năm 2006, bà H gửi con nhỏ cho cha, mẹ chăm sóc và đi làm việc ở Đà

Nẵng. Đến năm 2011 bà H về lại huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam ở với cha mẹ ruột để làm ăn và nuôi con. Trong thời gian này vợ, chồng thỉnh thoảng mới gặp nhau nhưng vẫn hạnh phúc. Từ năm 2020 trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, không còn tình cảm, không có niềm tin với nhau. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Lê Công Ph, sinh ngày 10/3/2006 và Trần Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/11/2012. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng trình bày ngày 30/6/2023, ngày 04/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Công Th trình bày: Ông và bà Lê Thị Ngọc H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn do điều kiện công tác của bản thân ông nên vợ chồng không chung sống gần nhau. Vợ ông đi làm ở Đà Nẵng một thời gian, sau đó về sinh sống làm ăn ở quê vợ là xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Mặc dù, vợ chồng ít có thời gian chung sống gần nhau nhưng ông vẫn thấy hôn nhân hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay ông cảm nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng nhưng ông không hiểu nguyên nhân vì sao mà vợ ông lại gửi đơn xin ly hôn. Nay, bản thân ông nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Lê Công Ph, sinh ngày 10/3/2006 và Trần Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/11/2012. Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của bà H thì ông Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Lê Công Ph, còn con nhỏ Trần Lê Bảo Ch giao cho bà H nuôi dưỡng. Tuy nhiên, qua ý kiến trình bày của các con gửi đến Tòa án mà ông được biết thì các con đều muốn ở với mẹ nên ông đồng ý giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được các tài sản chung là nhà ở, đất đai, xe mô tô và các tài sản khác, đề nghị tòa án xem xét giải quyết trước khi cho ly hôn.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn Ng phát biểu ý kiến: Qua sự trình bày của các đương sự tại Tòa án, nhận thấy mối quan hệ hôn nhân của bà H và ông Th là không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. Về con chung, bà H và ông Th có hai con chung và cả hai con chung đều có nguyện vọng ở với bà H; tại phiên tòa ông Th cũng đồng ý giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo như nguyện vọng của các con. Do đó, đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Các

đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật tố tụng một cách nghiêm túc, đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, lời khai nhận của đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được thấy rằng tình trạng hôn nhân của bà H và ông Th là không H phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà H được ly hôn với ông Th; Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê Công Ph, sinh ngày 10/3/2006 và Trần Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/11/2012 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Công Th có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Bình Đào, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình thụ lý đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn và xác định nơi cư trú của bị đơn ông Trần Công Th tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam nên chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc H và ông Trần Công Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đào, huyện Thăng Bình vào ngày 15/7/2005. Do vậy, hôn nhân giữa bà H và ông Th là hôn nhân hợp pháp. Diễn biến đời sống hôn nhân giữa bà H và ông Th qua sự thừa nhận của các đương sự trong vụ án cho thấy vợ chồng không hạnh phúc, bởi lẽ ông Th thường xuyên công tác xa nhà, ít quan tâm chăm lo đời sống gia đình, vợ chồng không còn niềm tin với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận định rằng tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông Th không còn, đời sống hôn nhân không H phúc nên không thể tiếp tục duy trì. Vì vậy, cần chấp nhận cho ly hôn theo yêu cầu của bà H.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông Th có 02 con chung tên là Trần Lê Công Ph, sinh ngày 10/3/2006 và Trần Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/11/2012. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với bà H sau khi ly hôn. Ông Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Lê Công Ph, giao con chung Trần Lê Bảo Ch cho bà H nuôi dưỡng. Tuy nhiên, các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ nên ông Th đồng ý giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H và nguyện vọng

của các con nên giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Bị đơn ông Trần Công Th có đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung nhưng không thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật mặc dù đã được Tòa án giải thích và ấn định thời gian thực hiện quyền yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp ông Trần Công Th có đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự trong vụ án khác.

[3]Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "*về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Ngọc H và ông Trần Công Th.

2. Về nuôi con chung:

Giao cả 02 con chung tên là Trần Lê Công Ph, sinh ngày 10/3/2006 và Trần Lê Bảo Ch, sinh ngày 22/11/2012 cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ông Trần Công Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung; ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ - ST: Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006422 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Bà Lê Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(29/9/2023)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Núi Thành
- Các đương sự
- Thi hành án.
- UBND xã Bình Đào, huyện Thăng Bình
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Công Bá